

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **246/2026/HS-PT**
Ngày 30 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;
Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 128/2026/TLPT-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026, đối với bị cáo Trịnh Văn T1, do có kháng cáo của bị hại bà Doãn Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2026/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

Bị cáo Trịnh Văn T1, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1991; tại xã V Danh bản, chỉ bản số 749 ngày 14/10/2025 do Phòng PC11 Công an tỉnh L, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn N, xã V, tỉnh Thanh Hóa lập; CCCD số 038091006363; nghề nghiệp: trước khi bị bắt là công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn H1 và bà Lê Thị H2; có vợ là Trịnh Thị T2 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019; tiền sự: không;

Tiền án: Tại Bản án số 14/2021/HS-ST ngày 24/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt Trịnh Văn T1 24 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 48 tháng tù; chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2023

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/10/2025 đến nay, hiện đa Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Bùi Thị Bích P – Công ty L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T; có mặt.

*** Bị hại có kháng cáo:** Bà Doãn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Doãn Thị H sinh năm 1962, trú tại thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa là Giám đốc Công ty xử lý rác thải công nghiệp y tế nguy hại Thanh Hóa, thông qua người quen là chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1980 ở thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa (chị Y làm Ca trưởng phân xưởng thớt của Công ty G), bà H có nhờ chị Y tìm, liên hệ người có thể giúp Công ty của bà ký được hợp đồng xử lý rác thải với Công ty giày da ALENA nơi chị Y đang làm việc, chị Y nói với Trịnh Văn T1 là người cùng làm ở Công ty G xem T1 có giúp được bà Doãn Thị H ký hợp đồng không, chị Y cho T1 số điện thoại của bà H, T1 đã gọi điện thoại cho bà H và hẹn gặp bà H để nói chuyện.

Vào chiều ngày 19/01/2024, T1 gặp bà H và anh Phạm Văn C (nhân viên Công ty của bà H) ở quán ăn nhà chị Y ở thị trấn Q, huyện Y (nay là xã Y, tỉnh Thanh Hóa). Tại đây, bà H có nói với T1 là Công ty của bà H muốn ký hợp đồng xử lý rác thải trong Công ty giày da ALENA, sau đó T1 tự giới thiệu với bà Hoa T3 làm Quản đốc tổng vụ, quản lý toàn bộ mảng rác thải và phế liệu của Công ty G, nên Công ty đang tìm nhà thầu mới, nếu Công ty bà H muốn vào làm để T3 sẽ sắp xếp cho Công ty bà H ký hợp đồng với Công ty G.

T3 còn nói với bà H và anh C, hiện tại Công ty E đang đặt cọc lại Công ty G 100.000.000 đồng (một trăm triệu), nếu Công ty bà H muốn ký hợp đồng thì phải đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu) để Công ty G trả lại cho Công ty E thì mới ký hợp đồng với Công ty của bà H được, T3 yêu cầu bà H đưa hồ sơ năng lực, báo cáo tài chính 03 năm gần nhất của Công ty cho T3, sau đó T3 nói báo cáo tài chính của Công ty bà H để T3 bảo kê toán bên Công ty của T3 làm cho và chi phí hết 40.000.000 đồng, bà H đồng ý và đưa hồ sơ năng lực của Công ty bà H cho T3, T3 hẹn 16h00 chiều ngày hôm sau, bà H chuẩn bị tiền mang lên gặp T3 tại quán ăn nhà chị Y.

Chiều ngày 20/01/2024, bà H và anh C gặp T3 tại quán ăn nhà chị Y, T3 nói với bà H và anh C công ty đã duyệt và đồng ý hồ sơ năng lực của công ty bà H, kế toán công ty T6 đang tiến hành làm hợp đồng. T3 yêu cầu bà H đưa 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để đặt cọc và 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để kế toán công ty G làm báo cáo tài chính để hoàn thiện hợp đồng, sau đó T3 đưa số tài khoản 030079246596 tại Ngân hàng S của chị Nguyễn Thị Thùy T4 làm ở Công ty G) cho bà H chuyển tiền (T3 tự giới thiệu chị T4 là kế toán Công ty G. Sau đó, bà H nói với T3 đưa trước 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để làm báo cáo tài chính, còn 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) sẽ chuyển sau, bà H chuyển vào tài khoản chị T4 số tiền 12.000.000 đồng và đưa

cho T3 4.000.000 đồng tiền mặt, anh C chuyển vào tài khoản T4 12.000.000 đồng, còn 12.000.000 đồng anh C đưa tiền mặt cho anh T3 tổng là 40.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ 19/01/2024 đến 22/02/2024, Trịnh Văn T1 lấy rất nhiều lý do như làm báo cáo tài chính, tiền chỉ cho Đoàn thanh tra kiểm tra hợp đồng với Công ty bà H, ngoài ra T1 còn cho bà H xem bản hợp đồng chưa có chữ ký của ban quản trị công ty cho bà H xem để bà H yên tâm là hợp đồng sắp được ký... để yêu cầu bà H chuyển tiền, tin tưởng những gì T1 nói là thật nên bà H đã chuyển nhiều lần tiền cho T1 để có thể nhanh chóng ký hợp đồng xử lý rác thải với công ty G. Ngoài ra, để tạo lòng tin cho bà H, nhiều lần T1 bảo bà H chuyển tiền cho T1 xong, T1 lại chuyển lại cho bà H và nói là chưa cần dùng đến, sau đó lại yêu cầu bà H chuyển tiền thêm và nhiều lần khác. Trong khoảng thời gian từ 19/01/2024 đến 22/02/2024, bà H đã chuyển cho T1 1.284.500.000 đồng; trong đó chuyển khoản là 1.119.500.000 đồng; cụ thể các lần bà H chuyển khoản cho Trịnh Văn T1: Ngày 20/01/2024 chuyển 12.000.000đ; ngày 22/01/2024 chuyển 03 lần (Lần 1: 20.000.000đ, lần 2: 15.000.000đ, lần 3: 30.000.000đ); ngày 23/01/2024 chuyển 35.000.000đ; ngày 24/01/2024 chuyển 02 lần (Lần 1: 55.000.000đ, lần 2: 75.000.000đ); ngày 25/01/2024 chuyển 15.000.000đ; ngày 26/01/2024 chuyển 04 lần (Lần 1: 25.000.000đ, lần 2: 10.000.000đ, lần 3: 27.000.000đ, lần 4: 30.000.000đ); ngày 27/01/2024 chuyển 03 lần (Lần 1: 20.000.000đ, lần 2: 30.000.000đ, lần 3: 50.000.000đ); ngày 28/01/2024 chuyển 03 lần (Lần 1: 40.000.000đ, lần 2: 60.000.000đ, lần 3: 40.000.000đ); ngày 30/01/2024 chuyển

15.000.000đ ngày 31/01/2024 chuyển 02 lần (lần 1: 20.000.000đ, lần 2: 10.000.000đ); ngày 01/02/2024 chuyển 02 lần (Lần 1: 10.000.000đ, lần 2: 25.000.000đ); ngày 04/02/2024 chuyển 02 lần (Lần 1: 20.000.000đ, lần 2: 30.000.000đ); ngày 06/02/2024 chuyển 02 lần (Lần 1: 12.000.000đ, lần 2: 20.000.000đ); ngày 09/02/2024 chuyển 8.000.000đ; ngày 15/02/2024 chuyển 62.000.000đ; ngày 18/02/2024 chuyển 02 lần (Lần 1: 100.000.000đ lần 2: 20.000.000đ); ngày 19/02/2024 chuyển 8.000.000đ; ngày 21/01/2024 chuyển 03 lần (Lần 1: 50.000.000đ, lần 2: 30.000.000đ, lần 3: 10.000.000đ); ngày 22/02/2024 chuyển 02 lần (Lần 1: 30.000.000đ, lần 2: 20.000.000đ); ngày 29/02/2024 chuyển 01 Lần 20.000.000đ và T1 nhận 02 lần tiền mặt của bà H là 165.000.000đ (lần 01 ngày 22/01/2024 là 55.000.000đ, lần 01 ngày 29/02/2024 là 110.000.000đ)

Bà H nhờ ông Phạm Văn C chuyển cho T1 34.000.000đ; Bà H nhờ Lê Văn T5 chuyển cho T1 172.000.000đ.

Tổng số tiền Trịnh Văn T1 nhận của bà H là 1.490.500.000đ (một tỷ bốn trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Trong quá trình nhận tiền của tạo niềm tin cho bà H, sau đó lại yêu cầu bà H chuyển tiền để chuẩn bị cho việc ký hợp đồng.

Quá trình làm việc với Trịnh Văn T1, T1 khai nhận T1 vào làm việc cho Công ty TNHH G ở xã Y, tỉnh Thanh Hóa từ tháng 12/2023 với vai trò là nhân viên bảo vệ, có nhiệm vụ kiểm soát xe ra vào công ty, tuần tra, T1 không có quyền quyết định công ty nào vào thầu xử lý rác thải cho công ty G, vì để quyết định việc này là của ban quản trị công ty. Trịnh Văn T1 biết bà H đang rất muốn ký được bản Hợp đồng xử lý rác thải với công ty G, lúc này do T1 đang nợ nần nhiều, cần tiền chi tiêu nên T1 đã nói lừa bà H với nhiều lý do như “Cần tiền để đưa cho một số bộ phận của Công ty để làm nhanh hợp đồng cho bà H hoặc là đưa tiền cho Lãnh đạo công ty, cho đoàn thanh tra...” để bà H đưa tiền cho T1. Toàn bộ số tiền bà H đưa cho T1, T1 đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công ty TNHH G tại xã Y, tỉnh Thanh Hóa xác định Trịnh Văn T1 là nhân viên bảo vệ thuộc bộ phận bảo vệ của Công ty TNHH G từ ngày 07/12/2023 đến ngày 09/3/2024 (có hợp đồng lao động và Quyết định chấm dứt hợp đồng vì thôi việc). Nhiệm vụ của T1 là bảo vệ công ty, kiểm tra, tuần tra xung quanh nhà máy, ngoài ra T1 không có chức năng, nhiệm vụ nào khác. Trịnh Văn T1 không có quyền quyết định ai ký hợp đồng xử lý rác thải với cho công ty nào vào ký hợp đồng xử lý rác thải với Công ty G. công ty G và quá trình làm việc tại Công ty, T1 cũng không đề xuất công ty với bà H và ông Lê Văn T5 người được bà H vay tiền và nhờ Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với ông Phạm Văn C cùng chuyển tiền cho Trịnh Văn T1. Ông Phạm Văn C khai khi đi cùng bà H gặp T1, thì T1 có giới thiệu T1 hiện đang giữ chức vụ Tổng vụ Công ty giày da ALENA và có thể quyết định Công ty nào vào ký hợp đồng thu gom rác công nghiệp và mua bán phế liệu của công ty G. Sau một thời gian, T1 có dẫn anh C và bà H vào thăm bãi rác của công ty, một số lần ông, ông C chuyển tiền cho T1 cả bằng hình thức chuyển khoản và đưa tiền mặt với số tiền là 34.000.000 đồng, đây là số tiền bà H vay của ông C. Quá trình làm việc với ông Lê Văn T5 xác định giữa ông T5 và bà H có mối quan hệ quen biết với nhau, bà H nói với ông T5 là đang nhờ T1 ký hợp đồng xử lý rác thải với công ty giày da nên bà H vay tiền ông T5 và nhờ ông T5 chuyển tiền cho T1 một số lần với tổng số tiền là 172.000.000 đồng.

Trong quá trình Trịnh Văn T1 nhận tiền của bà Doãn Thị H, T1 có nhờ tài khoản của anh Lưu Văn H3, ở xã Y, tỉnh Thanh Hóa và chị Nguyễn Thị Thùy T4, ở xã H, tỉnh Thanh Hóa để nhận tiền. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với Lưu Văn H3. Tuy nhiên, anh H3 hiện đã đi xuất khẩu lao động; làm việc với chị Nguyễn Thị Thùy T4 xác định thời điểm tháng 01/2024 chị T4 đang làm cùng Công ty giày da ALENA với Trịnh Văn T1, T1 nhờ tài khoản của T4 để nhận tiền của bà H và anh C, sau khi nhận tiền chị T4 đã chuyển toàn bộ vào tài khoản cho T1 (bút lục: 01-03; 26-36; 48-74; 77-91).

* Vật chứng: - Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành thu giữ, sao kê tài khoản ngân hàng của bà Doãn Thị H, Trịnh Văn T1 và một số người liên quan khác (các BL: 138-151; 152-169; 171-175; 178-104; 196-198)

- Quá trình làm việc với Trịnh Văn T1 xác định điện thoại OPPO mà T1 sử dụng lắp sim đăng ký các tài khoản Ngân hàng, sau thời điểm sử dụng thực hiện hành vi lừa đảo bà H, T1 không nhớ rõ đã bán hay làm mất điện thoại trên, sau đó T1 dùng điện thoại cục gạch cho đến nay. Cơ quan điều tra không thu giữ được (BL: 65a).

* Trách nhiệm dân sự: Bà Doãn Thị H yêu cầu Trịnh Văn T1 phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

* Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKS-P2 ngày 29/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa để xét xử bị cáo Trịnh Văn T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2026/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định: Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T1 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 14/10/2025; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo Trịnh Văn T1 phải bồi thường cho bà Doãn Thị H số tiền 1.205.500.000đ (một tỷ hai trăm linh năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Doãn Thị H được nhận số tiền 50.000.000đ do ông Trịnh Văn H1 nộp thay bị cáo Trịnh Văn T1 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu số 0000101 ngày 16/01/2026.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/01/2026, bị hại bà Doãn Thị H có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trịnh Văn T1 và yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trịnh Văn T1 xác định bị cáo không kháng cáo nhưng đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền bị quy kết vì trong đó có khoản tiền 300.000.000 đồng là quan hệ vay mượn giữa bị cáo với bà H; trong nội dung chuyển khoản có ghi rõ bị cáo vay và chuyển trả lại. Vì vậy bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 1.235.000.000đồng. Bị cáo không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà H.

Bị hại bà Doãn Thị H vắng mặt.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đánh giá tính chất, hành vi phạm

tội của bị cáo, có đủ căn cứ kết luận: Cấp sơ thẩm kết án bị cáo Trịnh Văn T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn T1 16 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị hại vắng mặt, không cung cấp được tài liệu nào mới làm căn cứ để tăng hình phạt và tăng mức bồi thường đối với bị cáo; do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Doãn Thị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo nêu đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà H và sửa bản án sơ thẩm về số tiền đã quy kết đối với bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 1.235.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

-Kháng cáo của bà Doãn Thị H làm trong thời hạn nên được chấp nhận để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa bà H có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bị ốm phải nằm viện điều trị. Tuy nhiên tài liệu bà H gửi không có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền và không có thêm tài liệu gì mới. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định, không làm xấu thêm tình trạng của bị cáo, của bị hại.

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng số tiền hình tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo về tăng hình phạt và tăng bồi thường của bà Doãn Thị H là người bị hại trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Văn T1: Tại bản án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xác định. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng và hậu quả do tội phạm gây ra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Theo đó: Trong khoảng thời gian từ 19/01/2024 đến 22/02/2024, Trịnh Văn T1 là nhân viên hợp đồng bảo vệ của Công ty TNHH G, địa chỉ tại xã Y, tỉnh Thanh Hóa. Thông qua lời giới thiệu của chị Nguyễn Thị Y là công nhân cùng công ty, T1 biết bà Doãn Thị H là Giám đốc

Công ty xử lý rác thải công nghiệp y tế nguy hại Thanh Hóa đang có nhu cầu tìm người kết nối để có thể ký được hợp đồng với Công ty giày da ALENA về lĩnh vực xử lý rác thải. Mặc dù biết rõ bản thân không có thẩm quyền quyết định và cũng không can thiệp hay có thể đề xuất với Công ty G về việc ký hợp đồng, nhưng do nợ nần, cần tiền chi tiêu cá nhân, T1 đã đưa ra các thông tin gian dối, tự giới thiệu với bà H, T1 làm Quản đốc tổng vụ Công ty giày da ALENA, T1 sẽ xử lý giúp để bà H ký hợp đồng. Khi bà H đã tin tưởng, T1 đưa nhiều lý do để có thể ký kết nhanh được hợp đồng, bà H đã trực tiếp chuyển khoản, nhờ một số người khác chuyển khoản và đưa tiền mặt cho T1 với tổng số tiền 1.490.500.000 đồng, sau khi nhận số tiền của bà H, T1 đã sử dụng toàn bộ số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

Bà Doãn Thị H xác định số tiền 1.490.500.000 đồng trên là của cá nhân bà H, không liên quan đến Công ty X.

Do đó, tại bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trịnh Văn T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 1.490.500.000 đồng là đầy đủ theo kết quả điều tra. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 1,2 tỷ đồng; về hình phạt bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.3] Khi quyết định hình phạt, tại bản án sơ thẩm đã xác định đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án số 14/2021/HS-ST ngày 24/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt Trịnh Văn T1 24 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 48 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2023. Đến thời điểm phạm tội, bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đã bồi thường cho bà H một số tiền nhỏ là 235.000.000đ, bố bị cáo đã nộp thay 50.000.000đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để tiếp tục bồi thường cho bà H; bị cáo có ông nội tham gia dân quân hỏa tuyến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó cấp sơ thẩm đã quyết định tuyên phạt bị cáo 16 năm tù là đã phù hợp. Nay không có thêm tình tiết gì mới để tăng hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà Doãn Thị H số tiền 1.205.500.000 đồng là số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bà

H. Không có căn cứ xác định khoản tiền 300.000.000 như bị cáo trình bày đã chuyển trả cho bà H qua tài khoản là tiền vay, số tiền Tòa án cấp sơ thẩm quy kết trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Nay không có tài liệu gì mới để chấp nhận kháng cáo tăng thêm mức bồi thường đối với bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Doãn Thị H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2026/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Văn T1** 16 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 14/10/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Trịnh Văn T1 phải bồi thường cho bà Doãn Thị H số tiền 1.205.500.000đ (một tỷ hai trăm linh năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Doãn Thị H được nhận số tiền 50.000.000đ do ông Trịnh Văn H1 nộp thay bị cáo Trịnh Văn T1 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu số 0000101 ngày 16/01/2026.

3. Về án phí: Bị hại bà Doãn Thị H phải phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện CT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- CQ THAHS CA tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TTG CA tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo (qua TTG CA tỉnh Thanh Hóa);
- Lưu HSVA, P.HCTP./.

Nguyễn Vũ Đông

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Võ Hồng Sơn

Hồ Sỹ Hưng

Nguyễn Vũ Đông

